

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN CHÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN CHAU SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107993544

**3. Ngày thành lập:** 20/09/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số D2-93 Phố Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936.325.086

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                           | 4321     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                 | 4322     |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                  | 4330     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                | 4633     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                            | 4641     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                             | 4662     |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4759     |
| 9.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773     |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                  | 4933     |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                                                                                                                   | 5610     |
| 12. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Quán rượu, bia, cafe, quầy bar)                                                                                                                                                                                                     | 5630     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                       | 6820        |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: trang trí nội thất công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410        |
| 15. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4100        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4210        |
| 17. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4220        |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4290        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329        |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390        |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610        |
| 23. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                               | 4753        |
| 24. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                   | 4772        |
| 25. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8121        |
| 26. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8130        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                 | 8299        |
| 28. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8129        |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632        |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663(Chính) |
| 31. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                      | 4752        |
| 33. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUANG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 31/10/1966

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013167120

Ngày cấp: 18/03/2009

Nơi cấp: *CA TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P506- D11 KĐT mới Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P506- D11 KĐT mới Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 31/10/1966

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013167120

Ngày cấp: 18/03/2009

Nơi cấp: *CA TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P506- D11 KĐT mới Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P506- D11 KĐT mới Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội